TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 159/2024/DS-PT
Ngày: 09/04/2024
V/v: Tranh chấp chia di sản thừa kế.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

***- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Văn Nam;

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Mạnh Hùng;

Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Nữ quỳnh Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:*** Nguyễn Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 9 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 63/TLPT-DS ngày 17 tháng 01 năm 2024 về việc "*Tranh chấp chia di sản thừa kế*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 37/2023/DS-ST ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3351/2024/QĐ-PT ngày 22 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Cụ **Dương Thị T** sinh năm 1939; Địa chỉ: Khu 5, xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ; vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền của cụ T: Anh **Lê Văn C,** sinh năm 1981; Địa chỉ: Khu 5, xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ; có mặt.

- *Bị đơn:* ***Bà Lê Thị Minh L*** sinh năm 1973; Địa chỉ: Khu 5, xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ; có mặt.

- *Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Lê Thị L, sinh năm 1974; Địa chỉ; Khu 6, xã G, huyện P, tỉnh Phú Thọ; có mặt.

+Bà **Lê Thị T,** sinh năm 1966; Địa chỉ: Khu 2B, xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ; có mặt.

+ Bà **Lê Thị X,** sinh năm 1961; Địa chỉ: Khu 2B, xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ; có mặt.

+ Bà **Nguyễn Thị V,** sinh năm 1965; Địa chỉ: Khu 5, xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ; vắng mặt.

+ Anh **Lê Phi H,** sinh năm 1986; Địa chỉ: Khu 5, xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ; có mặt.

+ Anh **Lê Văn C,** sinh năm 1988; Địa chỉ: Khu 5, xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ; có mặt.

+ Chị **Lê Thị Y,** sinh năm 1992; Địa chỉ: khu 1A, xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ; vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền cùa bà V, anh C, chị Y: Anh **Lê Phi H,** sinh năm 1986; Địa chỉ: Khu 5, xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ; có mặt.

+ Anh **Lê Văn C,** sinh năm 1981; Địa chỉ: Khu 5, xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ; có mặt.

+ Anh **Lê Xuân C,** sinh năm 1983; Địa chỉ: khu 5, xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ. Hiện đang làm việc tại Công ty M; Địa chỉ: Số nhà 2217 - 4, huyện S, tỉnh H, Nhật Bản; vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền của anh Lê Xuân C: Anh **Lê Văn C,** sinh năm 1981; Địa chỉ: Khu 5, xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện của cụ Dương Thị T và người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn anh Lê Văn C trình bày:***

Cụ Dương Thị T, có chồng là cụ Lê Văn H (đã chết năm 2001). Cụ H và cụ T có 06 người con gồm: Ông Lê Văn L (đã chết 1987), ông L có 02 người con là: Lê Văn C và Lê Xuân C (Hiện nay anh C đang đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản); bà Lê Thị X; ông Lê Văn C1 (chết năm 2020), ông C có vợ là bà Nguyễn Thị V và có 03 người con là anh Lê Phi H, anh Lê Văn C và chị Lê Thị Y; bà Lê Thị T; Bà Lê Thị Minh L và bà Lê Thị L. Ngoài những người con đẻ trên, cụ T và cụ H không có người con nuôi hoặc con riêng nào khác. Trong quá trình chung sống, cụ T và cụ H đã tạo dựng được khối tài sản chung là thửa đất thổ cư 61, tờ bản đồ số 3A diện tích 2.450m^2 (trong đó có 300 m^2 đất ở và 2.150 m^2 đất vườn) tại khu 5, xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ và một số thửa đất lúa, đất ao và đất màu (Toàn bộ các thửa đất thổ cư, đất lúa, đất ao và đất màu đã được UBND huyện P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ ông Lê Văn H ngày 09/11/1999). Nguồn gốc thửa đất thổ cư này là do bố mẹ cụ H để lại. Trước đây trên thửa đất thổ cư này có 01 nhà cấp bốn (kiểu nhà gỗ) và ba gian nhà bếp (nhà gỗ lợp ngói). Ngôi nhà này cũng do bố mẹ cụ H làm, sau này để lại cho cụ H và cụ T, quá trình ở cụ T và cụ H có sửa chữa lại. Tất cả các con của cụ H và cụ T đều sinh ra và lớn lên trên thửa đất số 61. Năm 2006, bà L đi lấy chồng ở Yên Bái nhưng vẫn ở cùng cụ T đến năm 2010 thì theo chồng về Yên Bái cho đến nay.

Từ năm 2010 chỉ còn cụ T ở trên đất. Tháng 4/2022, cụ T phá ngôi nhà cũ

để cho cháu trưởng là Lê Văn C làm nhà mới do ngôi nhà đã cũ, bà L có về để ngăn cản.

Trong quá trình giải quyết vụ án cụ Dương Thị T và anh là đại diện theo ủy quyền của cụ T xin rút một phần yêu cầu khởi kiện cụ thể: Rút yêu cầu chia di sản thừa kế đối với các thửa đất lúa, đất ao và đất màu được thể hiện tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp năm 1999 đứng tên hộ ông Lê Văn H. Chỉ yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ H đối với thửa đất số 61, tờ bản đồ số 3A diện tích 2.450m^2 đất (trong đó có 300m^2 đất ở và 2.150m^2 đất vườn) tại khu 5, xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ (Thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ ông Lê Văn H).

**** Phía bị đơn bà Lê Thị Minh L trình bày:***

Bà nhất trí với lời trình bày của cụ T và người đại diện theo ủy quyền của cụ T là anh Lê Văn C về quan hệ gia đình.

Bố bà có khối tài sản là thửa đất số 61 tờ bản đồ số 3A diện tích 2.450m^2 (trong đó có 300m^2 đất ở và 2.150m^2 đất vườn) và 01 số thửa đất lúa, đất ao, mầu tại khu 5, xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ. Nguồn gốc thửa đất số 61 là do ông bà tổ tiên bà để lại cho bố bà. Các thửa đất lúa, đất ao, đất màu có nguồn gốc một phần là do các cụ để lại, một phần là do Nhà nước cấp theo nhân khẩu (tại thời điểm năm 1993 thì trong khẩu gia đình bà chỉ có 04 người gồm bố bà, mẹ bà, bà và bà L; còn các anh chị khác đã tách khẩu và đã được bố mẹ bà cho đất canh tác). Trên thửa đất thổ cư trước đây có 01 ngôi nhà cổ cấp 4 và ngôi nhà bếp 03 gian băng gỗ do ông bà bà làm, sau này bố mẹ bà có sửa chữa lại. Tất cả các anh chị em bà đều sinh ra và lớn lên trên thửa đất này. Sau đó lần lượt các anh chị em đều đi lấy vợ lấy chồng và sinh sống tại địa phương. Năm 2006, bà lấy chồng tại Yên Bái nhưng vẫn ở cùng mẹ bà đến tháng 10/2010 mới lên Yên Bái làm kinh tế cùng chồng nhưng bà vẫn thường xuyên về thăm mẹ và đón mẹ lên ở cùng vợ chồng bà. Trong khoảng thời gian bà không về hoặc mẹ bà không lên ở cùng bà thì mẹ bà ở một mình.

Năm 1999, thửa đất số 61 và các thửa đất lúa, đất ao, đất mầu được UBND cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ ông Lê Văn H. Năm 2001, bố bà chết không để lại di chúc. Từ khi bố bà chết cho đến nay mẹ bà và các anh chị em trong gia đình không có văn bản nào thống nhất về việc chia thừa kế đối với phần tài sản của bố bà vì nguyên vọng của bố bà là ngôi nhà và đất không được phân chia để nguyên trạng làm nơi thờ cúng tổ tiên. Hai người con trai lấy vợ và ở riêng thì đã được bố mẹ bà cho nhà và đất canh tác đầy đủ.

Đầu tháng 5/2022, mẹ bà cùng các con gái và cháu đã phá bỏ ngôi nhà cổ của ông bà bà để lại định xây một ngôi nhà mới. Việc phá nhà này bà không được biết và bà cũng không đồng ý phá ngôi nhà này. Hiện nay ngôi nhà đã bị tháo dỡ hoàn toàn. Bà cũng không được biết việc mẹ bà và các chị em của bà họp và thống nhất cho anh Lê Văn C (là cháu trưởng) toàn bộ thửa đất thổ cư trên vì trước thời điểm tháng 5/2022 thì mẹ bà có lên Yên Bái ở cùng bà từ ngày mồng 10 tháng giêng đến 25/4/2022 mẹ bà không nói gì về việc này.

Hiện nay, trên thửa đất của bố mẹ bà còn có anh Nguyễn Văn T là cháu họ xa của mẹ bà đang ở trên thửa đất này. Lý do anh T ở trên thửa đất này là do khoảng năm 1991-1992 bố mẹ bà có cho vợ chồng ông Lê Văn C1 01 phần diện tích đất của thửa đất thổ cư để vợ chồng ông C1 làm nhà. Sau đó, vợ chồng ông C1 có làm 01 ngôi nhà cấp bốn trên đất. Sau này vợ chồng ông C1 muốn chuyển ra ở gần đường nên có mua 01 miếng đất gần trường mầm non xã P hiện nay và có thống nhất để nhà cho anh T. Cụ thể anh T ở tại ngôi nhà của vợ chồng ông C1 làm năm 1991-1992, còn vợ chồng ông C1 lấy ngôi nhà tre của anh T do anh T làm trên thửa đất của anh T để vợ chồng ông C1 dỡ ngôi nhà tre này làm vật liệu dựng nhà tại thửa đất vợ chồng ông C1 mua gần trường học. Việc đổi nhà này bố mẹ bà có biết và bố bà có nói là chỉ đồng ý cho đổi nhà không được đổi đất và vợ chồng anh T cũng nhất trí. Từ khi anh T đổi nhà cho đến nay anh T không sửa chữa cải tạo gì chỉ làm thêm phần sân. Hiện nay, bà được biết vợ chồng anh T sẽ trả lại đất cho gia đình bà, đối với ngôi nhà ai có nhu cầu mua anh T sẽ bán lại.

Nay mẹ bà là cụ Dương Thị T đề nghị chia di sản thừa kế của bố bà để lại là thửa đất số 61 tờ bản đồ số 3A tại Khu 5, xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ; quan điểm của bà là không nhất trí chia vì ý nguyện của bố bà ngôi nhà và thửa đất này không được chia mà để làm nơi thờ cúng tổ tiên. Ngoài ra, bà đề nghị những người phá nhà thờ tổ tiên là mẹ bà, các chị gái và cháu bà phải dựng lại ngôi nhà cũ như hiện trạng lúc chưa phá. Nếu phải chia thì bà sẽ có quan điểm sau.

**** Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:***

+ Bà Lê Thị X, bà Lê Thị T đều thống nhất trình bày:

Các bà nhất trí với lời trình bày của anh Lê Văn C về quan hệ gia đình cũng như khối tài sản chung của bố mẹ các bà để lại.

Nay mẹ các bà là cụ Dương Thị T yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của bố các bà để lại là thửa đất số 61, tờ bản đồ số 3A, diện tích 2.450m^2 tại khu 5, xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ.

Quan điểm của các bà T, bà X là nhất trí đề nghị chia di sản thừa kế của bố các bà là cụ H để lại. Đối với phần di sản thừa kế mà các bà được chia, các bà xin được nhận bằng hiện vật và các bà đều thống nhất để lại cho anh Lê Văn C là cháu trai trưởng sở hữu và sử dụng. Anh C không phải thanh toán tiền cho các bà.

+ Bà Lê Thị L trình bày:

Bả nhất trí với lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn về quan hệ gia đình họ tên của bố mẹ, các anh chị em của bà cũng như thời gian bố của bà là cụ Lê Văn H chết.

Bố mẹ các bà có khối tài chung là thửa đất thổ cư số 61, tờ bản đồ số 3A, diện tích 2.450 m^2 (trong đó có 300 m^2 đất ở và 2.150 m^2 đất vườn) tại khu 5, xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ và một số thửa đất lúa, đất ao và đất màu. Nguồn gốc thửa đất thổ cư này là do các cụ (ông bà nội các bà) để lại cho bố mẹ các bà. Trước đây trên thửa đất thổ cư này có 01 nhà cấp bốn (kiểu nhà gỗ) và ba gian nhà bếp

(nhà gỗ lợp ngói). Ngôi nhà này cũng do ông bà nội các bà làm, sau này để lại cho bố mẹ các bà và quá trình ở bố mẹ các bà có sửa chữa lại. Tất cả các anh chị em các bà đều sinh ra và lớn lên tại thửa đất thổ cư này. Sau đó lần lượt các anh chị em đi lấy vợ, lấy chồng và sinh sống tại địa phương. Đến năm 2006, bà Lê Thị Minh L đi lấy chồng tại Yên Bái nhưng vẫn ở cùng cụ T đến năm 2010 thì theo chồng về Yên Bái ở cho đến nay. Từ năm 2010 thì chỉ còn cụ T là mẹ đẻ của các bà ở trên đất. Năm 2001, bố các bà là cụ Lê Văn H chết không để lại di chúc. Năm 1999 thì thửa đất thổ cư trên được UBND huyện P cấp GCNQSD đất đối với thửa đất thổ cư trên cùng các thửa đất lúa, đất ao và đất màu đứng tên hộ ông Lê Văn H.

Nay mẹ các bà là cụ Dương Thị T yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kể của bố các bà để lại là thửa đất số 61, tờ bản đồ số 3A, diện tích 2.450 m^2 tại khu 5, xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ.

Quan điểm của bà không nhất trí chia di sản thừa kế mà đề nghị để nguyên thửa đất như hiện trạng để làm chỗ thờ cúng, sử dụng chung của các anh chị em trong gia đình. Trường hợp phải chia di sản thừa kế thì bà đề nghị được nhận phần di sản được chia bằng hiện vật.

+ *Anh Lê Phi H trình bày:* Bố anh là Lê Văn C1 (đã chết năm 2020), mẹ anh là Nguyễn Thị V. Bố mẹ anh có ba người con là Lê Phi H, Lê Văn C và Lê Thị Y. Bố anh là con đẻ của cụ Lê Văn H và cụ Dương Thị T. Anh được biết bà nội anh là cụ T khởi kiện chia di sản thừa kế đối với thửa đất số 61, tờ bản đồ số 3A tại khu 5, xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ. Về nguồn gốc thửa đất này là do các cụ tổ tiên để lại. Thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ ông Lê Văn H. Năm 2001, cụ H chết không để lại di chúc, cụ T là người hiện đang quản lý, sử dụng thửa đất trên. Nay cụ T yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của cụ H để lại là thửa đất số 61, tờ bản đồ số 3A, diện tích 2450m^2 tại khu 5, xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ. Quan điểm của anh là nhất trí. Phần di sản thừa kế mà bố anh là ông Lê Văn C1 được chia, các anh em anh và mẹ anh được hưởng thừa kế chuyển tiếp của bố anh. Mẹ anh và các anh em anh xin được nhận bằng hiện vật và đều thống nhất để lại cho anh Lê Văn C là cháu trai trưởng sở hữu, sử dụng. Anh C không phải thanh toán tiền cho mẹ anh và các anh em anh.

+ *Anh Lê Văn C trình bày:* Bố anh là ông Lê Văn L (đã chết năm 1987), mẹ anh là bà Trần Thị T. Bố mẹ anh sinh được 02 người con đẻ là anh và Lê Xuân C (anh Lê Xuân C hiện đang đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản đã có văn bản ủy quyền cho anh thay mặt tham gia tố tụng). Anh được biết bà nội anh là cụ T khởi kiện chia di sản thừa kế đối với thửa đất số 61, tờ bản đồ số 3A tại khu 5, xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ. về nguồn gốc thửa đất này là do các cụ tổ tiên để lại. Thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ ông Lê Văn H. Năm 2001, cụ H chết không để lại di chúc, cụ T là người hiện đang quản lý, sử dụng thửa đất trên. Hiện nay, cụ T và các con của cụ T có nguyện vọng giao thửa đất này cho anh là cháu trưởng của cụ H và cụ T nhưng bà L (là con gái thứ năm của cụ T, cụ H) không đồng ý. Nay cụ T yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của cụ H để lại là thửa

đất số 61, tờ bản đồ số 3A, diện tích 2450m tại khu 5, xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ. Quan điểm của anh là nhất trí. Phần di sản thừa kế anh em anh được hưởng anh xin được nhận bằng hiện vật. Đối với phần di sản thừa kế của anh Lê Xuân C được nhận đã có quan điểm để lại cho anh quản lý và sử dụng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 37/2023/DS-ST ngày 08/12/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã quyết định:

Áp dụng khoản 5 Điều 26; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều165, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 612, Điều 613, Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 652, Điều 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí Tòa án. Xử:

[1] Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của cụ Dương Thị T về việc không đề nghị chia thừa kế đối với các thửa đất khác bao gồm Thửa đất số 151-1, tờ bản đồ số 9, diện tích 570m^2 (đất lúa); Thửa đất số 149, tờ bản đồ số 9, diện tích 307m^2 (đất lúa); Thửa đất số 150, tờ bản đồ số 9, diện tích 432m^2 (đất ao); Thửa đất số 106-7, tờ bản đồ số 3, diện tích 47m^2 (đất lúa); Thửa đất số 184-2, tờ bản đồ số 3, diện tích 27m^2 (đất lúa); Thửa đất số 152-1, tờ bản đồ số 3, diện tích 462m^2 (đất lúa); Thửa đất số 302, tờ bản đồ số 3, diện tích 346m^2 (đất lúa); Thửa đất số 95, tờ bản đồ số 4, diện tích 248 m^2 (đất lúa); Thửa đất số 20, tờ bản đồ số 4, diện tích 368m^2 (đất lúa); Thửa đất số 33, tờ bản đồ số 4, diện tích 295 m^2 (đất lúa);Thửa đất số 32-23, tờ bản đồ số 64, diện tích 345m^2 (đất ruộng màu); Thửa đất số 32-13, tờ bản đồ số 64, diện tích 252m^2 (đất ruộng màu); Thửa đất số 145, tờ bản đồ số 4, diện tích 2.456m^2 (đất ruộng màu); Thửa đất số 81-5, tờ bản đồ số 3, diện tích 30m^2 (đất lúa) tại khu 5, xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ.

Các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

[2] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Dương Thị T về yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Lê Văn H để lại.

[3] Mở lối đi chung cho các hộ diện tích 168m^2 đất vườn (có chỉ giới theo bản trích đo hiện trạng thửa đất là 20.21.22.23.24.25.26.27.38.39.40.41.42.43.20) trong phần diện tích đất 2.245m^2 là tài sản chung của cụ Dương Thị T và cụ Lê Văn H.

[4] Chia di sản thừa kế của cụ Lê Văn H cụ thể như sau:

Xác định di sản thừa kế của cụ Lê Văn H để lại là diện tích đất 1.141m^2 (trong đó có đất ở 150m^2 x 300.000đ/lm^2 = 45.000.000đ và đất vườn 991m^2 x 92.200đ/lm^2 = 91.370.200đ) và 1/2 cây cối hoa màu trên đất do cụ T, cụ H trồng 7.398.000đ (Bảy triệu ba trăm chín mươi tám nghìn đồng). Tổng cộng là 143.768.200d (Một trăm bốn mươi ba triệu bảy trăm sáu mươi tám nghìn hai trăm đồng).

- Giao cho bà Lê Thị Minh L được hưởng phần di sản của cụ Lê Văn H để lại gồm: 163m^2 đất (có chỉ giới theo bản trích đo hiện trạng thửa đất là 30.31.43.42.41.30) trong đó có 21,42m^2 đất ở; 141,58m^2 đất vườn. Tổng giá trị là

19.480.000đ (Mười chín triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng).

- Giao cho bà Lê Thị L được hưởng phần di sản của cụ Lê Văn H để lại gồm: 163m^2 đất (có chỉ giới theo bản trích đo hiện trạng thửa đất là 27,28,29,30,41,40,39,38,27) trong đó có 21,42m^2 đất ở; 141,58m^2 đất vườn. Tổng giá trị là 19.480.000đ (Mười chín triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng).

Bà Lê Thị Minh L và bà Lê Thị L có trách nhiệm liên hệ với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện nghĩa vụ tài chính và đề nghị chuyển đổi đất vườn thành đất ở đủ 50m^2 đối với mỗi thửa đất.

- Giao cho anh Lê Văn C được hưởng phần di sản của cụ Lê Văn H để lại gồm của cụ Dương Thị T, anh Lê Văn C, bà Lê Thị X, bà Lê Thị T, bà Nguyễn Thị V, anh Lê Phi H, anh Lê Văn C, chị Lê Thị Y, anh Lê Xuân C và toàn bộ phần tài sản của cụ Dương Thị T trong khối tài sản chung của cụ Dương Thị T và cụ Lê Văn H là 1.956m^2 đất (có chỉ giới theo bản trích đo hiện trạng thửa đất là 1.2.3.18.19.20.43.31.32.33.34.35.36.37.1) trong đó có đất ở 257,1m^2 và đất vườn 1.698,9m^2 và toàn bộ cây cối hoa màu trên đất do cụ T, cụ H trồng trị giá 14.796.000đ (Mười bốn triệu bảy trăm chín mươi sáu nghìn đồng).

Anh C có trách nhiệm thanh toán trị giá phần cây cối hoa màu trên đất là di sản do cụ H để lại mà bà Lê Thị Minh L, bà Lê Thị L được hưởng mỗi người số tiền 1.056.857đ (Một triệu không trăm năm mươi sáu nghìn tám trăm, năm mươi bảy đồng).

Kiến nghị UBND huyện P, tỉnh Phú Thọ thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thửa đất số 00614 ngày 09/11/1999 do chủ tịch UBND huyện P, tỉnh Phú Thọ cấp đứng tên ông Lê Văn H để cấp lại cho các đương sự theo như bản án đã tuyên.

Các bên có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

(Có Bản trích đo hiện trạng thửa đất nhà cụ Dương Thị T do Công ty Cổ. phần khảo sát đo đạc A thực hiện ngày 14/02/2023 kèm theo bản án).

5. Đối với các công trình xây dựng trên đất gồm 01 nhà chính cấp 4 hiện trạng có tường xây gạch chỉ đỏ dày 220mm trát 02 mặt, nền lách gạch lá nem đỏ, không có cửa đi lại, cửa sổ bằng gỗ ván ghép thanh, song gỗ, không có mái che. Nhà xây dụng từ rất lâu năm 1989 thì sửa lại. Nhà không có người sử dụng. từ tháng 4/2022 đến nay, diện tích 99,5m^2 và 01 nhà bếp cấp 4 có tường xây gạch chỉ đỏ dày 220mm trát 02 mặt, nề đổ bê tông sỏi, mái lợp ngói đỗ sườn tren, vì kèo gỗ. Nhà xây dụng từ rất lâu năm 1989 thì sửa lại. Hiện trạng không có cửa đi, nhà bếp đã xuống cấp, diện tích 37,5m^2 được định giá đã hết khấu hao tài sản; Các công trình xây dụng và cây cối hoa màu trên đất các đương sự không đề nghị định giá tài sản và xem xét giải quyết gồm 01 chuồng lợn tường xây gạch chỉ đỏ dày 110mm, trát mặt trong, mái lợp ngói đồ, sườn vì kèo gỗ, xây năm 2005, diện tích 17,5m^2; 01 chồng lợn sát bếp tường xây gạch chỉ đỏ dày 110mm, nền lát vữa xi măng, mái lợp ngói đỏ, sườn tre, vì kèo gỗ, xây năm 2005, diện tích 27,2m^2 (02

chuồng lợn đều do bà Nguyễn Thị Minh L xây dựng); 01 ngôi nhà cấp 4 có tường xây gạch chỉ đỏ dày 220mm trát 02 mặt, nền lát gạch men, cửa đi bằng pano gỗ, cửa sổ bằng gỗ ván ghép thanh, mái lợp ngói đỏ, sườn tre, vì kèo gỗ xây năm 1999, diện tích 51,6m^2 (ngôi nhà là do vợ chồng ông Lê Văn C1, bà Nguyễn Thị V xây dựng); 01 nhà bếp giáp nhà chính tường xây gạch xi măng dày 150mm, nền đổ bê tông sỏi, mái lợp proximang, sườn gỗ, xây năm 1990, diện tích 19,2m^2; công trình phụ và khu chăn nuôi tường xây gạch xi măng dày 150mm, nền đổ bể tông sỏi, mái lợp proximang, sườn gỗ, xấy năm 1990, diện tích 47,7m^2 (Nhà bếp, cổng trình phụ và khu chăn nuôi do ông Nguyễn Văn T xây); 01 hầm Bioga xây dựng bằng gạch chỉ thể tích 15m^3 xây năm 2005; 01 đường bê tông sỏi có kích thước dài 67m, dày 0,1m, rộng 2,5m xây năm 2004; 01 cây dừa cao trên 02 m, 02 cây ổi phi từ 15-20cm, 01 cây ổi phi 30cm, 03 cây xoan phi từ 15-20cm, 27 cây bưởi phi từ 05-10cm, 01 cây vải phi từ 05-10cm, 09 cây vối phi từ 15-20cm, 01 cây lộc vừng phi từ 10-15cm... Trường hợp sau khi giao nằm trên phần diện tích của đương sự nào thì đương sự đó được quyền sở hữu và sử dụng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí sơ thẩm, quyền yêu cầu thi hành án, thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 15/12/2023, bà Lê Thị Minh L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Yêu cầu Ông Lê Văn C (cháu nội của Ông Lê Văn H), Bà Lê Thị T , bà lê Thị X (con gái Ông Lê Văn H) làm lại hiện trạng 2 căn nhà đã bị phá hủy trái phép.

Yêu cầu tòa án chia di sản còn lại mà cấp sơ thẩm chưa chia bao gồm cả đất ruộng.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà Lê Thị Minh L giữ nguyên nội dung kháng cáo.

*** Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội về việc tuân theo pháp luật và việc giải quyết vụ án:**

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng:

+ Từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự trong quá trình giải quyết vụ án .

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng. Những ngươi tham gia tố tụng là nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người được ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung kháng cáo: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên toà, đề nghị hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 37/2023/DS-ST ngày 8/12/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. *Về quan hệ tranh chấp:* Cụ Dương Thị T khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Lê Văn H là chồng cụ T để lại gồm: Thửa đất số 61, tờ bản đồ 3A diện tích 2450 m^2 (trong đó có 300 m^2 đất ở, còn lại đất vườn); Thửa đất số 151-1, TBĐ số 9, diện tích 570m^2 (đất lúa); Thửa đất số 149, TBĐ số 9, diện tích 307m^2 (đất lúa); Thửa đất số 150, TBĐ số 9, diện tích 432m^2 (đất ao); Thửa đất số 106-7, TBĐ số 3, diện tích 47m^2 (đất lúa); Thửa đất số 184-2, TBD số 3, diện tích 27m^2 (đất lúa); Thửa đất số 152-1, TBD số 3, diện tích 462m^2 (đất lúa); Thửa đất số 302 TBĐ số 3, diện tích 346 m^2 (đất lúa); Thửa đất số 95, TBĐ số 4, diện tích 248 m^2 (đất lúa); Thửa đất số 20, TBD số 4, diện tích 368 m^2 (đất lúa); Thửa đất sô 33, TBD số 4, diện tích 295 m^2 (đất lúa);Thừa đất số 32-23, TBĐ số 64, diện tích 345m^2 (đất ruộng màu); Thửa đất số 32-13, TBĐ số 64, diện tích 252 m^2 (đất ruộng màu);Thửa đất số 145, TBĐ số 4, diện tích 2456 m^2 (đất ruộng màu); Thửa đất số 81-5, TBĐ số 3, diện tích 30 m^2 (đất lúa) tại khu 5, xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ (Các thửa đất trên đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ ông Lê Văn H). Vì vậy, Tòa án thụ lý giải quyết và xác định quan hệ tranh chấp chia di sản thừa kế là đúng.

[1.2]. Về thẩm quyền:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án xác định trong vụ án có đương sự là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Xuân C đang ở nước ngoài. Căn cứ theo quy định tại khoản 5 Điều 26; khoản 3 Điều 35; khoản 1 Điều của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

[1.3]. Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 15/12/2023, bị đơn là bà Lê Thị Minh L có đơn kháng cáo đúng quy định tại Điều 272, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận xem xé theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về nguồn gốc thửa đất: Theo lời trình bày của các đương sự và các tài liệu chứng có có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Thửa đất số 61, tờ bản đồ 3A diện tích 2.450 m^2 (trong đó có 300 m^2 đất ở, còn lại đất vườn); Thửa đất số 151-1, TBĐ số 9, diện tích 570m^2 (đất lúa); Thừa đất số 149, TBD số 9, diện tích 307m^2 (đất lúa); Thửa đất số 150, TBD số 9, diện tích 432m^2 (đất ao); Thửa đất số 106-7, TBĐ số 3,. diện tích 47m^2 (đất lúa); Thửa đất số 184-2, TBD số 3, diện tích 27m^2 (đất lúa); Thửa đất số 152-1, TBD số 3, diện tích 462m^2 (đất lúa); Thửa đất số 302, TBĐ số 3, diện tích 346 m^2 (đất lúa); Thủa đất số 95, TBD số 4, diện tích 248 m^2 (đất lua); Thủa đất số 20, TBD số 4, diện tích 368 m^2 (đất lúa); Thửa đất số 33, TBĐ số 4, diện tích 295 m^2 (đất lúa);Thửa đất số 32-23, TBĐ số 64, diện tích 345m^2 (đất ruộng màu); Thửa đất số 32-13, TBD số 64, diện tích 252 m^2 (đất ruộng màu);Thửa đất số 145, TBĐ số 4, diện tích 2.456 m^2 (đất ruộng màu); Thửa đất số 81-5, TBĐ sô 3, diện tích 30 m^2 (đất

lúa) tại khu 5, xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ (Các thửa đất trên đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ ông Lê Văn H) mà các bên đang tranh chấp là của vợ chồng cụ Lê Văn H và cụ Dương Thị T có nguồn gốc là do bố mẹ cụ H để lại.

[2.2] Về thời điểm mở thùa kế: Cụ Lê Văn H chết năm 2001. Như vậy, thời điểm mở thừa kế di sản của cụ H là năm 2001, tính đến ngày nguyên đơn nộp đơn khởi kiện thì thời hiệu thừa kế vẫn còn.

[2.3] Về di sản thừa kế:

Trong quá trình giải quyết vụ án ngày 01/11/2022 nguyên đơn cụ Dương Thị T nộp cho Tòa án 01 đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện có xác nhận của UBND xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ, cụ thể như sau: Cụ T không đề nghị chia thừa kế đối với các thửa đất khác bao gồm Thửa đất số 151-1, tờ bản đồ số 9, diện tích 570m^2 (đất lúa); Thửa đất số 149, tờ bản đồ số 9, diện tích 307m^2 (đất lúa); Thửa đất số 150, tờ bản đồ số 9, diện tích 432m^2 (đất ao); Thửa đất số 106-7, tờ bản đồ số 3, diện tích 47m^2 (đất lúa); Thửa đất số 184-2, tờ bản đồ số 3, diện tích 27m^2 (đất lúa); Thửa đất số 152-1, tờ bản đồ số 3, diện tích 462m^2 (đất lúa); Thửa đất số 302, tờ bản đồ số 3, diện tích 346 m^2 (đất lúa); Thửa đất số 95, tờ bản đồ số 4, diện tích 248 m^2 (đất lúa); Thửa đất số 20, tờ bản đồ số 4, diện tích 368m^2 (đất lúa); Thửa đất số 33, tờ bản đồ số 4, diện tích 295m^2 (đất lúa); Thửa đất số 32-23, tờ bản đồ số 64, diện tích 345m^2 (đất ruộng màu); Thửa đất số 32-13, tờ bản đồ số 64, diện tích 252m^2 (đất ruộng màu);Thửa đất số 145, tờ bản đồ số 4, diện tích 2.456m^2 (đất ruộng màu); Thửa đất số 81-5, tờ bản đồ số 3, diện tích 30m^2 (đất lúa) tại khu 5, xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ. Các đương sự bà Lê Thị T, bà Lê Thị X, bà Nguyễn Thị V, bà Lê Thị Minh L, anh Lê Văn C, chị Lê Thị Y, anh Lê Phi H, anh Lê Văn C đều thống nhất đối với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của cụ T được thể hiện tại Đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện của cụ Dương Thị T ngày 01/11/2022. Đối với bà Lê Thị L tại phiên tòa sơ thẩm cũng có quan điểm nhất trí với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của cụ Dương Thị T. Các đương sự không có yêu cầu phản tố hay yêu cầu độc lập gì đối với một phần di sản của cụ H mà nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện đã rút nêu trên của cụ Dương Thị T là đúng pháp luật. Các đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

Tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 14/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện P đã xác định diện tích đất thực tế của thửa đất số 61, tờ bản đồ số 3A có diện tích là 3.223,8m^2 tăng thêm so với diện tích 2.450m^2 đất trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ cụ Lê Văn H là 773,8m^2.

Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã có Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ số 20/2023/QĐ-YCCCCC ngày 15/5/2023 đối với UBND huyện P để làm rõ đối với nội dung diện tích đất tăng thêm 773,8m^2, quan điểm của UBND huyện P đối với diện tích đất tăng thêm.

Tại Công văn số 1252/UBND-VPĐKĐĐ&PTQĐ ngày 15/9/2023 của UBND huyện P đã có quan điểm trả lời đối với Quyết định yêu cầu cung cấp

chứng cứ số 20/2023/QĐ-YCCCCC ngày 15/5/2023 của Tòa án, cụ thể:

"Ngày 09/1 1/1999, UBND huyện P đã cấp giấy chúng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lê Văn H với diện tích 6.424 m^2 đất, trong đó có thửa đất số 61, tờ bản đồ số 3A, diện tích 2.450m^2 trong đó: đất ở: 300m^2; đất trồng cây lâu năm (vườn) 2150m^2, tuy nhiên trên Sổ mục kê và Bản đồ địa chính thể hiện là 02 thửa (thửa đất số 61, diện tích 1520m^2 ghi tên ông Lê Văn H; thửa đất số 64, diện tích 930m^2, ghi tên ông Lê Văn C1). Việc Bản đồ địa chính và Sổ mục kê thể hiện thành 2 thửa đất là do năm 1999 vợ chồng ông Lê Văn H có cho con là ông Lê Văn C1 01 phần đất để xây dựng nhà ở nhưng chưa làm thủ tục tặng cho theo quy định, sau đó ông Lê Văn C1 được Nhà nước giao đất làm nhà ở tại khu vực Núi S nên đã trả lại phần diện tích bố mẹ tặng cho, theo diện tích đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lê Văn H là 2450m^2 bằng diện tích thửa đất số 61 và thửa đất số 64 cộng lại (1520m^2 + 930m^2 = 2450m^2), về diện tích tăng 773,8m^2, qua đối chiếu Bản đồ địa chính với Bản vẽ trích đo hiện trạng sử dụng đất lập ngày 14/02/2023 do Tòa án nhân dân tỉnh Phủ Thọ cung cấp cho thấy diện tích tăng là do chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Phần đất giáp chỉ giới từ điểm 2 đến điểm 18). Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tách diện tích dất tăng thành thừa đất riêng không nằm trong diện tích đất đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (2.450m^2)".

Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều thống nhất xác định tài sản chung của cụ Lê Văn H và cụ Dương Thị T có diện tích là 2.450m^2 cùng công trình xây dựng, cây cối hoa màu trên đất do cụ T, cụ H xây dựng và trồng. Đối với diện tích đất tăng thêm 773,8m^2 các đương sự đều không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết và không xác định đây là di sản do cụ H để lại.

Căn cứ Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về quyền tự định đoạt của các đương sự cần xác định tài sản chung của cụ Lê Văn H và cụ Dương Thị T mà các đương sự đề nghị chia có diện tích ỉa 2.450m^2 trong đó có 300m^2 đất ở và 2.150m^2 đất vườn tại thửa đất số 61, tờ bản đồ số 3A cùng công trình xây dựng, cây cối hoa màu trên đất do cụ T, cụ H xây dựng và trồng.

Như vậy, di sản của cụ H để lại là ½ diện tích đất 2.450m^2 =1.225m^2 (trong đó có 150 m^2 đất ở và 1.075 m^2 đất vườn) và ½ công trình xây dựng, cây cối hoa màu trên đất do cụ T, cụ H xây dựng và trồng.

Cụ Lê Văn H chết không để lại di chúc. Vì vậy di sản thừa kế của cụ H được chia theo pháp luật.

[2.4]. Về hàng thừa kế: Cụ Dương Thị T khởi kiện chia di sản thừa kế của cụ Lê Văn H (là chồng của cụ T). Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã xác định cụ T và cụ H, sinh được 06 người con gồm:

1. Ông Lê Văn L, sinh năm 1959 (đã chết 1987). Ông L có 02 người con là: anh Lê Văn C, sinh năm 1981 và anh Lê Xuân C, sinh năm 1983 (Hiện nay anh Lê Xuân C đang đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản).

2. Bà Lê Thị X, sinh năm 1961.

3. Ông Lê Văn C1, sinh năm 1964 (chết năm 2020). Ông C1 có vợ là bà Nguyên Thị V và có 03 người con đẻ là: anh Lê Phi H, sinh năm 1986; anh Lê Văn C, sinh năm 1988 và chị Lê Thị Y, sinh năm 1992.

4. Bà Lê Thị T, sinh năm 1966.

5. Bà Lê Thị Minh L, sinh năm 1973.

6. Bà Lê Thị L, sinh năm 1974,

Ngoài ra, cụ T và cụ H không có người con chung, con nuôi nào khác.

Cụ Lê Văn H chết năm 2001. Như vậy, cần xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ H gồm cụ T, ông Lê Văn L (đã chết 1987), khi chết ông L không để lại di chúc (anh Lê Văn C và anh Lê Xuân C là những người thừa kế thế vị của của ông L), bà X, ông Lê Văn C1 (chết năm 2020), khi chết ông L không để lại di chúc (bà Nguyễn Thị V vợ ông C1 và có 03 người con đẻ là anh Lê Phi H, anh Lê Văn C, chị Lê Thị Y là những người thừa kế phần di sản của ông C1), bà T, bà Lê Thị Minh L và bà Lê Thị L.

[2.5]. Về yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn. Xét thấy:

Theo Biên bản định giá tài sản ngày 14/02/2023 do Tòa án nhân dân huyện P thực hiện thì diện tích đất đang tranh chấp là 3223,8m^2 gồm 2.450m^2 được cấp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ cụ Lê Văn H và 773,8 m^2 đất không có trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Giá trị theo đất theo Biên bản định giá tài sản: Đất ở có giá 300.000đ/1m^2; đất vườn có giá 92.200đ/1m^2; vật kiến trúc gồm 01 nhà cấp 4 có diện tích 99,5m^2, 01 nhà bếp diện tích 37,5m^2 không định giá do hết khấu hao tài sản; cây cối hoa màu gồm 02 cây tùng trong đó 01 cây phi từ 10 đến 15cm; 01 cây phi từ 25 đến 30cm; 14 cây cau cao trên 2m; 01 cây xoan phi từ 30 đến 35cm; 07 cây mít có tổng trị giá 14.796.000đ. Đối với các tài sản còn lại do một số người khác, anh Lê Văn C trồng, bà L trồng và xây dựng; các bên không đề nghị định giá.

Do diện tích đất là tài sản chung của cụ T và cụ H chỉ có một lối đi vào nên để chia di sản thừa kế của cụ H để lại cần cắt một phần diện tích đất vườn trong tổng diện tích đất là tài sản chung của cụ T và cụ H để mở lối đi chung vào phần diện tích đất của các hàng thừa kế được chia di sản là phù hợp. Do vậy, cần cắt diện tích 168m^2 đất vườn để làm lối đi chung (có chỉ giới theo bản trích đo hiện trạng thửa đất là 20.21.22.23.24.25.26.27.38.39.40.41.42.43.20).

Sau khi trừ đi diện tích 168m^2 đất vườn được cắt làm lối đi chung thì diện tích đất là tài sản chung cùa cụ T và cụ H còn lại là 2.282m^2 đất trong đó đất ở 300 m^2 và đất vườn 1.982m^2.

Về công sức đóng góp vào di sản thừa kế: Từ khi cụ H chết, cụ T là người sinh sống trên phân diện tích đất là tài sản chung của cụ H, cụ T. Quá trình sinh sống trên diện tích đất này cụ T đã trông coi, quản lý, sử dụng, gìn giữ, cải tạo đối với toàn bộ phần tài sản chung của cụ H, cụ T. Theo quy định của pháp luật khi chia di sản thừa kế của cụ H để lại cần phải xem xét công sức đóng góp của cụ T

đối với phần di sản này: Tuy nhiên tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của cụ T có quan điểm không đề nghị Tòa án xem xét công sức đóng góp của cụ T đối với phần di sản của cụ H để lại; đề nghị Tòa án chia đều phần di sản của cụ H để lại cho các đồng thừa kế. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận sự tự nguyện của cụ T không đề nghị xem xét công sức đóng góp của cụ T đối với phần di sản của cụ H để lại và chia di sản thừa kế cùa cụ H để lại cho 07 suất thừa kế bằng nhau là có căn cứ.

Từ những phân tích trên và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ chứng minh xác định di sản của cụ H để còn lại 1.141m^2 (trong đó có đất ở 150 m^2 x 300.000đ/lm^2 = 45.000.000đ và đất vườn 991 m^{2}x 92.200đ/lm^2 = 91.370.200đ) và ½ cây cối hoa màu trên đất do cụ T, cụ H trồng 7.398.000đ. Tổng cộng 143.768.200đ : 7 suất = 20.538.314đ của mỗi suất thừa kế được hưởng. (Trường hợp chia theo hiện vật thì mỗi suất thừa kế được hưởng di sản gồm 163m^2 đất trong đó có 21,42m^2 đất ở; 141,58m^2 đất vườn và số tiền 1.056.857đ. Tổng giá trị là 20.538.314đ).

Cụ Dương Thị T, ông Lê Văn L, ông Lê Văn C1, bà Lê Thị X, bà Lê Thị T, bà Lê Thị L, bà Lê Thị Minh L mỗi người được hưởng phần di sản của cụ Lê Văn H để lại có trị giá là 20.538.314 đồng.

Bà Nguyễn Thị V, anh Lê Phi H, anh Lê Văn C, chị Lê Thị Y được hưởng phần di sản của ông Lê Văn C1 để lại là 20.538.314đ. Kỷ phần mỗi người được hưởng là 5.134.578 đồng.

Anh Lê Văn C, anh Lê Xuân C được hưởng phần di sản của ông Lê Văn L để lại là 20.538.314 đồng. Kỷ phần mỗi người được hưởng là 10.269.157 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Cụ Dương Thị T), Anh Lê Văn C ; những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị X, bà Lê Thị T, bà Nguyễn Thị V, anh Lê Phi H, anh Lê Văn C, chị Lê Thị Y, anh Lê Xuân C đều có quan điểm cho anh Lê Văn C được sở hữu và sử dụng phần di sản của mình được hưởng trong khối di sản của cụ H để lại. Ngoài ra cụ Dương Thị T còn có quan điểm cho anh Lê Văn C toàn bộ phần tài sản của cụ T trong khối tài sản chung của cụ T và cụ H là 1.141 m^2 đất (có chỉ giới theo bản trích đo hiện trạng thửa đất là. 1.2.3.18.34.35.36.37.1) trong đó đất ở 150 m^2 và đất vườn 991 m^2 và 1/2 cây cối hoa màu trên đất do cụ T, cụ H trồng trị giá 7.398.000đ. Xét thấy, đây là sự tự nguyên của các đương sự không vi phạm pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét nhu cầu của các đồng thừa kế đều đề nghị được chia di sản thừa kế bằng hiện vật. Diện tích đất ở là di sản của cụ H để lại có 150m^2 còn lại là đất vườn. Theo quy định tại Công văn số 3790/UBND-NNTN ngày 29/9/2023 của UBND tỉnh Phú Thọ thì *"Việc tách thửa đất trên địa bàn tỉnh Phú Thọ thực hiện theo quy định của Luật đất đai hiện hành và quy định tại Quyết định số 12/2014/QĐ-UBND ngày 10/9/2014 (được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số*

14/2023/QĐ-UBND ngày 13/7/2023) của UBND tỉnh Phú Thọ. Cụ thể đối với trường hợp thửa đất là đất ở và đất hông nghiệp (đất vườn) liền kề đất ở mà không đủ điều kiện để tách thửa do phần đất ở nhỏ hơn 50m^2 thì người sử dụng đất thực hiện thủ tục đề nghị chuyển mục đích sử dụng đất đối với phần diện tích đất vườn liền kề đất ở sang đất ở để có diện tích, kích thước thửa đất đảm bảo điều kiện tách thửa đất theo quy định tại Quyết định số 14/2023/QĐ-UBND ngày 13/7/2023 của UBND tỉnh Phú Thọ". Như vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm chia cho các đồng thừa kế bằng hiện vật bằng đất là có cơ sở đảm bảo được quyền lợi của các bên.

Các đương sự được hưởng phần di sản, cụ thể:

- Bà Lê Thị Minh L được hưởng phần di sản: 163m^2 đất (có chỉ giới theo bản trích đo hiện trạng thửa đất là 30.31.43.42.41.30) trong đó có 21,42m^2 đất ở; 141,58m^2 đất vườn. Tổng giá trị là 19.480.000 đồng.

- Bà Lê Thị L được hưởng phần di sản: 163m^2 đất (có chỉ giới theo bản trích đo hiện trạng thửa đất là 27, 28, 29, 30, 41, 40, 39, 38, 27) trong đó có 21,42m^2 đất ở; 141,58m^2 đất vườn. Tổng giá trị là 19.480.000 đồng.

- Anh Lê Văn C được hưởng phần di sản gồm của anh C, cụ T, bà X, bà T, bà Nguyễn Thị V, anh Lê Phi H, anh Lê Văn C, chị Lê Thị Y, anh Lê Xuân C: 815m^2 đất (có chỉ giới theo bản trích đo hiện trạng thửa đất là 18.19.20.43.31.32.33.34.18) trong đó có 107,1m^2 đất ở; 707,9m^2 đất vườn. Tổng giá trị là 97.398.380 đồng.

Đối với 1/2 cây cối hoa màu trên đất do cụ T, cụ H trồng trong phần di sản thừa kế của cụ H trị giá 7.398.000 đồng cần giao cho Lê Văn C được quyền sở hữu và sử dụng toàn bộ do anh C được hưởng phần lớn diện tích đất di sản thừa kế của cụ H để lại là phù hợp. Anh C có trách nhiệm thanh toán cho bà Lê Thị Minh L, bà Lê Thị L mỗi người số tiền 1.056.857 đồng là trị giá 01 suất thừa kế được hưởng đối với cây cối hoa màu là di sản thừa kế của cụ H để lại.

Ngoài ra, anh C còn được hưởng toàn bộ phần tài sản của cụ T trong khối tài sản chung của cụ T và cụ H là 1.141 m^2 đất (có chỉ giới theo bản trích đo hiện trạng thửa đất là 1.2.3.18.34.35.36.37.1) trong đó có đất ở 150m^2 và đất vườn 991m^2 và 1/2 cây cối hoa màu trên đất do cụ T, cụ H trồng trị 7.398.000 đồng.

Như vậy, anh Lê Văn C được hưởng tổng cộng 1.956m^2 đất (có chỉ giới theo bản trích đo hiện trạng thửa đất là 1.2.3.18.19.20.43.31.32.33.34.35.36.37.1) trong đó có đất ở 257,1m^2 và đất vườn 1.698,9m^2 và toàn bộ cây cối hoa màu trên đất do cụ T, cụ H trồng trị giá 14.796.000 đồng.

Do đã chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ H để lại cho các đồng thừa kế bằng hiện vật là đất và tài sản trên đất nên cần kiến nghị UBND huyện P, tỉnh Phú Thọ thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thửa đất số 00614 ngày 09/11/1999 do chủ tịch UBND huyện P, tỉnh Phú Thọ cấp đứng tên ông Lê Văn H để cấp lại cho các đương sự theo như bản án đã tuyên. Các bên có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo qui định.

Đối với các công trình xây dựng trên đất gồm 01 nhà chính cấp 4 hiện trạng có tường xây gạch chỉ đỏ dày 220mm trát 02 mặt, nền lát gạch lá nem đỏ, không có cửa đi lại, cửa sổ bằng gỗ ván ghép thanh, song gỗ, không có mái che. Nhà xây dựng từ rất lâu năm 1989 thì sửa lại. Nhà không có người sử dụng từ tháng 4/2022 đến nay, diện tích 99,5m^2 và 01 nhà bếp cấp 4 có tường xây gạch chỉ đỏ dày 220mm trát 02 mặt, nề đổ bê tông sỏi, mái lợp ngói đỏ sườn tren, vì kèo gỗ. Nhà xây dựng từ rất lâu năm 1989 thì sửa lại. Hiện trạng không có cửa đi, nhà bếp đã xuống cấp, diện tích 37,5m^2 được định giá đã hết khấu hao tài sản; Các công trình xây dựng và cây cối hoa màu trên đất các đương sự không đề nghị định giá tài sản và xem xét giải quyết gồm 01 chuồng lợn tường xây gạch chỉ đỏ dày 110mm, trát mặt trong, mái lợp ngói đỏ, sườn vì kèo gỗ, xây năm 2005, diện tích 17,5m^2; 01 chồng lợn sát bếp tường xây gạch chỉ đỏ dày 110mm, nền lát vữa xi măng, mái lợp ngói đỏ, sườn tre, vì kèo gỗ, xây năm 2005, diện tích 27,2m^2 (02 chuồng lợn đều do bà Nguyễn Thị Minh L xây dựng); 01 ngôi nhà cấp 4 có tường xây gạch chỉ đỏ dày 220mm trát 02 mặt, nền lát gạch men, cửa đi bằng pano gỗ, cửa sổ bằng gỗ ván ghép thanh, mái lợp ngói đỏ, sườn tre, vì kèo gỗ xây năm 1999, diện tích 51,6m^2 (ngôi nhà là do vợ chồng ông Lê Văn C1, bà Nguyễn Thị V xây dựng); 01 nhà bếp giáp nhà chính tường xây gạch xi măng dày 150mm, nền đổ bê tông sỏi, mái lợp prôximăng, sườn gỗ xây năm 1990, diện tích 19.2m^2; công trình phụ và khu chăn nuôi tường xây gạch xi măng dày 150mm, nền đổ bê tông sỏi, mái lợp prôximăng, sườn gỗ, xây năm 1990, diện tích 47,7m^2 (Nhà bếp, công trình phụ và khu chăn nuôi do ông Nguyễn Văn T xây); 01 hầm Bioga xây dựng bằng gạch chỉ thể tích 15m^3 xây năm 2005; 01 đường bê tông sỏi có kích thước dài 67m, dày 0,1m, rộng 2,5m xây năm 2004; 01 cây dừa cao trên 02m, 02 cây ổi phi từ 15-20cm, 01 cây ổi phi 30cm, 03 cây xoan phi từ 15-20cm, 27 cây bưởi phi từ 05- 10cm, 01 cây vải phi từ 05-10cm, 09 cây vối phi từ 15-20cm, 01 cây lộc vừng phi từ 10-15cm trường hợp sau khi giao nằm trên phần diện tích đất của đương sự nào thì đương sự đó được quyền sở hữu và sử dụng là phù hợp.

Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy cấp sơ thẩm đã xem xét, giải quyết đúng trình tự quy định của pháp luật và đảm bảo quyền lợi, nghĩa vụ của các đương sự, việc bà Lê Thị Minh L kháng cáo, Yêu cầu Ông Lê Văn C (cháu nội của Ông Lê Văn H), Bà Lê Thị T , bà Lê Thị X (con gái Ông Lê Văn H) làm lại hiện trạng 2 căn nhà đã bị phá hủy trái phép.

Yêu cầu tòa án chia di sản còn lại mà cấp sơ thẩm chưa chia bao gồm cả đất ruộng.

Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy các yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị Minh L, Tòa cấp sơ thẩm chưa giải quyết, căn cứ điều 270 Bộ Luật Tố tụng Dân Sự quy định về tính chất của xét xử phúc thẩm (Tòa cấp phúc thẩm chỉ xét xử lại những vụ án khi có kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm và chỉ xét xử trong phạm vi những nội dung đã được giải quyết ở Tòa sơ thẩm), nên cấp phúc thẩm không có thẩm quyền xem xét nội dung kháng cáo này của bị đơn Bà Lê Thị Minh L, mặt khác bà L kháng cáo nhưng không đưa ra được các tình tiết mới để chứng minh

cho yêu cầu kháng cáo của mình, do đó không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị Minh L, cần giữ nguyên án sơ thẩm như đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị là cần thiết.

Về án phí và chi phí tố tụng: Kháng cáo của bà Lê Thị Minh L không được chấp nhận nên bà L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị Minh L; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 37/2023/DS-ST ngày 08/12/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

2. Án phí dân sự: Bà Lê Thị Minh L phải nộp án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà bà L đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tiền số 0000086, ngày25 tháng 12 năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ. Bà L đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Cục THADS tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Người liên quan (theo địa chỉ);
- Lưu HS; HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Nam